

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2020

V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Quốc Võ

2. Bà Trần Lệ Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 20 tháng 8 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về “*Tranh chấp về ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1980 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

2. Bị đơn: Ông Trần L, sinh năm 1969 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17-02-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần L chung sống như vợ chồng năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà và ông L xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông L không lo làm ăn mà thường đi nhậu, không quan tâm vợ con. Từ đó, bà và ông L sống ly thân. Bà dọn ra ngoài thuê nhà trọ ở riêng. Vì vậy, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần L.

- Về con chung: Bà và ông L có con là Trần B, sinh ngày 20/10/2003. Bà yêu cầu con muốn sống với ai thì người đó nuôi.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông L không có nợ chung.

Theo bản tự khai ngày 03-6-2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Trần L trình bày:

- Về hôn nhân: ông và bà Nguyễn Thị Ngọc D chung sống từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, ông nhận thấy bản thân không có lỗi gì. Nhưng vì nhiều lý do mà vợ ông ra ngoài thuê nhà trọ ở. Từ đó ông buồn nên đi uống rượu. Ông mong muốn vợ ông suy nghĩ mà về tiếp tục chung sống. Vì vậy ông không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà D có con là Trần B, sinh ngày 20/10/2003. Nếu con muốn sống với ông hay bà D thì ông cũng đồng ý.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Ông và bà D không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trần L và nuôi con giữa bà D và ông L. Đây là tranh chấp về ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần L có nơi cư trú tại ấp B, xã L, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3] Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần L đều trình bày thống nhất ông bà chung sống từ năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định như sau: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*” và “*Trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật này...*”. Mặc dù ông Trần L có ý kiến là không đồng ý ly hôn bà D nhưng thực tế ông bà đã ly thân. Trong thời gian chung sống ông bà cũng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Bà D một mực cương quyết muốn ly hôn. Vì vậy, khả năng ông bà đoàn tụ tiếp tục chung sống là khó thực hiện được. Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần L.

[4] Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần L thống nhất có con chung là Trần B, sinh ngày 20/10/2003. Ông L và bà D đều thống nhất giao em B cho bà D nuôi dưỡng. Em Trần B hiện đang sống với bà D và có nguyện vọng sống với bà D. Vì vậy, giao em B cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: bà Nguyễn Thị Ngọc D đã được Hội đồng xét xử giải thích rõ về quyền được yêu cầu ông Trần L cấp dưỡng nuôi em Trần B cho đến khi em Trần B đủ 18 tuổi nhưng bà Dung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu em Trần B chưa đủ 18 tuổi thì bà Nguyễn Thị Ngọc D có quyền yêu cầu ông Trần L cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần L đã được Hội đồng xét xử giải thích rõ về quyền được yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung (nếu có tài sản chung) nhưng bà D và ông L vẫn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung.

[7] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần L đều khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: *“Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn...”*. Vì vậy, bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần L.

2. Về con chung: Giao em Trần Quốc Bảo, sinh ngày 20/10/2003 cho bà Nguyễn Thị Ngọc D tiếp tục tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo nguyện vọng của em B.

Không ai được quyền cản trở bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần L trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con.

Vì lợi ích của em Trần B, khi cần thiết và có yêu cầu của ông Trần L hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu ông Trần L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Ngọc D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của ông Trần L theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Ngọc D là người được giao nuôi em Trần B nhưng bà D không có yêu cầu ông Trần L cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Ngọc D có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con là ông Trần L cấp dưỡng nuôi em Trần B theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần L có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì bà D hoặc ông L có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: Bà Nguyễn Thị Ngọc D và ông Trần L đều khai không có nợ chung nên ghi nhận ý kiến và không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số:0007168 ngày 17-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Nguyễn Thị Ngọc D đã nộp xong án phí. Ông Trần L không phải chịu án phí.

7. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc D và bị đơn ông Trần L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh